

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP  
LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP LÊN CAO ĐẲNG NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG**

**I. DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO**

**1. Danh sách các phòng chức năng**

Các thiết bị đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng được sắp xếp vào các phòng chức năng phục vụ đào tạo, bao gồm:

- 1 Phòng học kỹ thuật cơ sở
- 2 Phòng học Tiếng anh
- 3 Phòng thực hành máy vi tính
- 4 Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng
- 5 Phòng thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực
- 6 Phòng thực hành chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh
- 7 Phòng thực hành sản nhi và kế hoạch hóa gia đình
- 8 Phòng thực hành y học cổ truyền - phục hồi chức năng - dược
- 9 Phòng thực hành giải phẫu
- 10 Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh – ký sinh trùng
- 11 Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng

**2. Mô tả các phòng chức năng**

**2.1. Phòng học kỹ thuật cơ sở**

Giảng dạy kiến thức các môn học chung, kiến thức lý thuyết của các môn học, mô đun của chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng. Đồng thời phòng lý thuyết có chức năng rèn luyện, phát triển trình độ chuyên môn, kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, thuyết trình về kiến thức hiểu biết chung và kiến thức chuyên ngành. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 35 sinh viên.

**2.2. Phòng thực hành Tiếng anh**

Phòng Tiếng anh là phòng dùng để dạy và học Tiếng anh (tiếng nước ngoài) trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phòng được trang bị các thiết bị hiển thị hình ảnh, phát âm thanh, ghi âm và các loại học liệu để học và thực hành sử dụng Tiếng anh. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

**2.3. Phòng thực hành máy vi tính**

Phòng thực hành máy vi tính là phòng dùng để dạy và học môn tin học cơ sở. Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun, tín chỉ khác có sử dụng máy vi tính, mạng máy tính và các chương trình máy tính (phần mềm). Phòng được trang bị các máy vi tính có kết nối mạng và các loại thiết bị, học liệu để học, thực hành sử dụng máy vi tính và các phần mềm. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

#### **2.4. Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng**

Giảng dạy thực hành các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Cụ thể người học sẽ được hướng dẫn và thực hành các kỹ thuật cơ bản như: vệ sinh vô khuẩn thầy thuốc, người bệnh, môi trường, kỹ thuật tiêm truyền, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc khám bệnh, chăm sóc người bệnh, cho người bệnh uống thuốc, vệ sinh cho người bệnh... Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên

#### **2.5 Phòng thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực**

Giảng dạy thực hành các kỹ thuật cấp cứu và chăm sóc người bệnh. Người học sẽ được thực hành các kỹ thuật cấp cứu và chăm sóc người bệnh; chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc làm các thủ thuật cấp cứu... Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên

#### **2.6. Phòng thực hành chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh**

Giảng dạy thực hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh. Người học sẽ được thực hành các kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng người bệnh tại buồng bệnh, phụ giúp thầy thuốc thăm khám lâm sàng cho người bệnh... Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên

#### **2.7. Phòng thực hành sản nhi và kế hoạch hóa gia đình**

Đào tạo người học thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc làm thủ thuật sản phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình: khám phụ khoa, đỡ đẻ, thủ thuật đường âm đạo; kỹ thuật phá thai an toàn, kỹ thuật đặt vòng tránh thai, kỹ thuật tiêm cây thuốc tránh thai... Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

#### **2.8. Phòng thực hành y học cổ truyền - phục hồi chức năng - dược**

Đào tạo người học thực hành kỹ thuật cơ bản chăm sóc người bệnh, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, phục hồi chức năng cho người bệnh.

Đào tạo người học nhận thức, hướng dẫn sử dụng được các nhóm thuốc đông y, tây y.

Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

#### **2.9. Phòng thực hành giải phẫu**

Giảng dạy thực hành giải phẫu các cơ quan trên cơ thể người: giải phẫu bộ xương, hệ cơ, thần kinh, các bộ phận trên cơ thể người... là cơ sở để thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên

#### **2.10. Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh - ký sinh trùng**

- Thực hành Sinh lý: giảng dạy thực hành thí nghiệm chứng minh các giả thuyết về bệnh từ đó rút ra các biện pháp chẩn đoán, phòng, chăm sóc và điều trị bệnh.

- Thực hành Hóa sinh: giảng dạy thực hành, tích hợp các thí nghiệm cơ bản trong thực hành Hóa sinh giúp người học nhận biết, phân tích và giải thích được sự thay đổi, cơ chế của sự thay đổi thông qua các xét nghiệm hóa sinh; thực hiện thành thạo các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng các hợp chất hữu cơ cơ bản, các chất sống trong cơ thể người.

- Thực hành Vi sinh - Ký sinh trùng: giảng dạy thực hành các thí nghiệm cơ bản trong thực hành Vi sinh - Ký sinh trùng:

+ Nghiên cứu các đặc điểm cơ bản về hình thái, cấu tạo, di truyền,... của các vi sinh vật có lợi và có hại trong cơ thể người hoặc tác động đến cơ thể người.

+ Chẩn đoán bệnh vi sinh - ký sinh trùng nhằm giúp người bệnh có kết quả chính xác nhất về tình trạng bệnh đang mắc phải bằng các xét nghiệm Ký sinh trùng thông qua các dịch cơ thể, bệnh phẩm, ...

- Phục vụ các hoạt động nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của các vi sinh vật đến cơ thể người để ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị.

Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên

### **2.11. Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng**

Giảng dạy thực hành các kỹ năng tuyên truyền, tư vấn giáo dục sức khỏe phòng chống dịch bệnh cho người dân. Thực hành các kỹ năng cấp cứu, chăm sóc sức khỏe người bệnh tại cộng đồng. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên

## **3. Tổng hợp danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu theo phòng chức năng**

### **3.1. Phòng học kỹ thuật cơ sở**

- Số lượng phòng: 02

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01

### **3.2. Phòng học Tiếng anh**

- Số lượng phòng: 01

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bàn điều khiển	Chiếc	01
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	01
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	01
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	01
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
6	Máy vi tính	Bộ	19
7	Tai nghe	Bộ	54
8	Máy scanner	Chiếc	01
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01

### **3.3. Phòng thực hành máy vi tính**

- Số lượng phòng: 01

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	33
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	01
4	Bộ phần mềm phong chữ tiếng Việt	Bộ	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	01
6	Máy Scanner	Chiếc	01
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01
8	Máy in	Chiếc	01

### 3.4. Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng

- Số lượng phòng: 03

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	06
2	Máy vi tính	Bộ	01
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
4	Giường người bệnh	Chiếc	06
5	Chăn	Chiếc	06
6	Đệm	Chiếc	06
7	Đệm hơi, nước	Chiếc	06
8	Ga trải giường	Chiếc	06
9	Gối	Chiếc	06
10	Săng trải giường	Chiếc	06
11	Tấm lót	Chiếc	06
12	Tủ đầu giường	Chiếc	03
13	Cáng	Chiếc	03
14	Xe cáng người bệnh	Chiếc	02
15	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	02
16	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	05
17	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	09
18	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	100
19	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	33
20	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	16
21	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	120
22	Máy cạo râu	Chiếc	03
23	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	06
24	Máy khí rung	Chiếc	03
25	Máy sấy tóc	Chiếc	03
26	Bàn chải	Chiếc	03
27	Bàn chải mềm	Chiếc	10
28	Băng buộc	Chiếc	18
29	Băng chun	Cuộn	25
30	Băng cuộn	Cuộn	40
31	Băng Esmarch	Cuộn	20
32	Bảng phooc	Chiếc	05
33	Bảng tam giác	Chiếc	10
34	Bát và 2 thìa	Bộ	05

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
35	Bình làm ấm	Chiếc	05
36	Bình oxy	Chiếc	05
37	Bình phong	Chiếc	03
38	Bô	Chiếc	05
39	Bô dẹt	Chiếc	06
40	Bô vệt	Chiếc	06
41	Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Bộ	10
42	Bộ nẹp gỗ sơ cứu (10 thanh)	Bộ	15
43	Bộ thử test đầu giường	Bộ	05
44	Bóc thụt	Chiếc	10
45	Bơm tiêm	Bộ	100
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 20 ml	Chiếc	50
	Loại 50 ml	Chiếc	50
46	Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt	Chiếc	03
47	Bóng ambu	Chiếc	10
48	Ca	Chiếc	10
49	Cốc chia vạch	Chiếc	08
50	Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin	Chiếc	05
51	Cốc đựng thức ăn	Chiếc	05
52	Cốc đựng thuốc	Chiếc	05
53	Cốc	Chiếc	10
54	Bình đựng nước nguội	Chiếc	05
55	Phích đựng nước nóng	Chiếc	05
56	Canuyn và khóa van	Bộ	08
57	Chậu	Chiếc	10
58	Chậu inox	Chiếc	03
59	Cọc truyền inox 2 tai treo	Chiếc	05
60	Dao mổ + cán dao	Chiếc	10
61	Dây cao su mềm	Chiếc	05
62	Dây dẫn đo áp lực dịch não tủy	Chiếc	03
63	Dây dẫn lưu màng phổi	Chiếc	03
64	Dây dẫn lưu màng tim	Chiếc	03
65	Dây dẫn lưu ổ bụng	Chiếc	03
66	Dây garo và gói nhỏ	Bộ	06
67	Dây thở oxy 2 nhánh	Chiếc	07
68	Dây truyền	Chiếc	10
69	Đè lưỡi	Chiếc	10
70	Đèn côn	Chiếc	03
71	Đèn soi thanh quản	Chiếc	10
72	Hộp inox chữ nhật	Chiếc	10
73	Hộp đựng bông gạc	Chiếc	10

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
74	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc	10
75	Hộp đựng dung dịch khử khuẩn	Chiếc	10
76	Hộp đựng khăn vô khuẩn	Chiếc	10
77	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	10
78	Hộp tròn inox	Chiếc	10
79	Hộp inox đựng bông cầu	Chiếc	10
80	Hộp tròn đựng bông côn	Chiếc	10
81	Kéo	Bộ	50
	Mỗi bộ bao gồm		
	Kéo cong	Chiếc	10
	Kéo thẳng	Chiếc	10
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	10
	Kéo đầu tù	Chiếc	10
82	Kẹp phẫu tích	Chiếc	30
83	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	30
84	Khăn tắm	Chiếc	05
85	Khăn rửa mặt	Chiếc	06
86	Máng gội đầu	Chiếc	05
87	Khay chữ nhật	Chiếc	16
88	Khay hạt đậu	Chiếc	09
89	Kim chọc dò	Chiếc	10
90	Kim chọc dò Terumo	Chiếc	05
91	Kim chọc dò tùy sống	Chiếc	10
92	Kim khâu da	Chiếc	10
93	Kim khâu da + chỉ line	Chiếc	10
94	Kìm mang kim	Chiếc	10
95	Kìm mở miệng	Chiếc	10
96	Lọ đựng phân	Chiếc	05
97	Lược	Chiếc	05
98	Mask thở oxy	Chiếc	10
99	Mô hình đa năng	Bộ	03
100	Mô hình đặt ống thông dạ dày	Chiếc	10
101	Mô hình hồi sinh tim phổi	Bộ	08
102	Mô hình thông tiểu nam	Chiếc	10
103	Mô hình thông tiểu nữ	Chiếc	10
104	Mô hình thụt tháo	Bộ	11
105	Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay	Bộ	10
106	Mô hình tiêm mông	Bộ	08
107	Ống đong có chia vạch	Chiếc	03
108	Ống faucher	Chiếc	15
109	Ống nghe tim phổi	Chiếc	08
110	Ống nghiệm	Bộ	17

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Mỗi bộ gồm		
	Loại 20ml	Chiếc	05
	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	05
	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc	05
111	Ống nội khí quản	Chiếc	30
112	Ống sonde Clini	Chiếc	20
113	Ống sonde Levin	Chiếc	20
114	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc	30
	Bộ panh	Bộ	40
	Mỗi bộ bao gồm		
115	Loại cong có máu	Chiếc	10
	Loại cong không máu	Chiếc	10
	Loại thẳng có máu	Chiếc	10
	Loại thẳng không máu	Chiếc	10
116	Panh Farabeuf	Chiếc	06
117	Quả bóp cao su và sonde Nelaton	Bộ	06
118	Que bệt	Chiếc	03
119	Săng 50 x 50 cm	Chiếc	10
120	Săng có lỗ	Chiếc	06
121	Săng mỏ	Chiếc	10
122	Sonde Catheter	Chiếc	10
123	Tạp dề	Chiếc	03
124	Thìa gạt	Chiếc	03
125	Trụ cắm panh inox	Chiếc	10
126	Túi chườm	Chiếc	33
127	Túi đựng dụng cụ cấp cứu	Túi	03
128	Vò đập đá	Chiếc	03
129	Xô	Chiếc	10
130	Thùng rác y tế	Chiếc	01
131	Bộ tranh vẽ: tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, cơ quan tạo máu, xử trí ngộ độc cấp, say nắng, say nóng, ngạt nước, rắn cắn,...	Bộ	09
132	Bộ tranh quy trình kỹ thuật điều dưỡng	Bộ	01

### 3.5. Phòng thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực

- Số lượng phòng: 01

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Giường người bệnh	Chiếc	03
4	Chăn	Chiếc	05

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
5	Đệm	Chiếc	03
6	Đệm hơi, nước	Chiếc	03
7	Ga trải giường	Chiếc	03
8	Gối	Chiếc	03
9	Săng trải giường	Chiếc	03
10	Tấm lót	Chiếc	03
11	Tủ đầu giường	Chiếc	03
12	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	33
13	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	15
14	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	03
15	Máy truyền dịch (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	05
16	Máy điện tim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
17	Máy monitoring theo dõi dấu hiệu sinh tồn (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	04
18	Máy thở (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
19	Máy phá rung (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
20	Phế dung kế (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
21	Máy nhỏ giọt thức ăn vào dạ dày (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	08
22	Máy tiêm tĩnh mạch	Chiếc	05
23	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	01
24	Đèn đọc phim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
25	Hệ thống khử khuẩn (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
26	Bàn mổ tổng hợp (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
27	Bộ dụng cụ đặt nội khí quản khó có màn hình Camera (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
28	Bộ đèn nội khí quản khó 3 lưới (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
29	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	03
30	Bàn chải mềm	Chiếc	03
31	Băng chun	Cuộn	04



<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
32	Băng cuộn	Cuộn	06
33	Băng Esmarch	Cuộn	07
34	Bình làm ấm	Chiếc	04
35	Bình oxy	Chiếc	01
36	Bô	Chiếc	03
37	Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Bộ	05
38	Bô dẹt	Chiếc	04
39	Bô vệt	Chiếc	04
40	Bộ thử test đầu giường	Bộ	02
41	Bơm tiêm	Bộ	10
	Trong đó		
	Loại 20 ml	Chiếc	05
	Loại 50 ml	Chiếc	05
42	Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt	Chiếc	01
43	Bóngambu	Chiếc	05
44	Chậu	Chiếc	02
45	Cốc	Chiếc	05
46	Cốc đựng thuốc	Chiếc	05
47	Phích đựng nước nóng	Chiếc	06
48	Túi chườm	Chiếc	12
49	Vò đập đá	Chiếc	01
50	Cốc chia vạch	Chiếc	03
51	Cọc truyền inox 2 tai treo	Chiếc	05
52	Dao mổ + cán dao	Chiếc	03
53	Dây garo và gối nhỏ	Bộ	05
54	Dây truyền	Chiếc	15
55	Đè lưỡi	Chiếc	11
56	Đèn soi thanh quản	Chiếc	03
57	Hộp inox chữ nhật	Chiếc	04
58	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc	03
59	Hộp đựng dung dịch khử khuẩn	Chiếc	02
60	Hộp đựng khăn vô khuẩn	Chiếc	06
61	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	05
62	Hộp tròn inox	Chiếc	07
63	Hộp tròn đựng bông cotton	Chiếc	04
64	Kéo	Bộ	16
	Trong đó		
	Kéo cong	Chiếc	04
	Kéo thẳng	Chiếc	04
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	04
	Kéo đầu tù	Chiếc	04
65	Kẹp phẫu tích	Chiếc	05

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
66	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	05
67	Khăn tắm	Chiếc	03
68	Khay chữ nhật	Chiếc	05
69	Khay hạt đậu	Chiếc	05
70	Kim khâu da	Chiếc	10
71	Kim khâu da + chỉ line	Chiếc	10
72	Kìm mang kim	Chiếc	05
73	Kìm mở miệng	Chiếc	05
74	Mask thở oxy	Chiếc	05
75	Mô hình đa năng	Bộ	03
76	Ống faucher	Chiếc	10
	Ống nghiệm	Bộ	05
	Trong đó		
77	Loại 20ml	Chiếc	03
	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	03
	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc	03
78	Ống nội khí quản	Chiếc	12
79	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc	20
	Bộ panh	Bộ	16
	Trong đó		
80	Loại cong có máu	Chiếc	04
	Loại cong không máu	Chiếc	04
	Loại thẳng có máu	Chiếc	04
	Loại thẳng không máu	Chiếc	04
81	Trụ cắm panh inox	Chiếc	04
82	Săng 50 x 50 cm	Chiếc	08
83	Săng có lỗ	Chiếc	05
84	Săng mổ	Chiếc	03
85	Sonde Catheter	Chiếc	05
86	Ống sonde Levin	Chiếc	05
87	Tạp dè	Chiếc	01
88	Thìa gạt	Chiếc	03
89	Xô	Chiếc	02
90	Phim chụp XQ/MRI, CT-scanner điển hình như: Thủng dạ dày, gãy xương,...	Bộ	01
91	Bộ tranh quy trình cấp cứu	Bộ	01

### 3.6. Phòng thực hành chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh

- Số lượng phòng: 03

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	03
3	Giường người bệnh	Chiếc	09
4	Chăn	Chiếc	09
5	Đệm	Chiếc	09
6	Đệm hơi, nước	Chiếc	03
7	Ga trải giường	Chiếc	09
8	Gối	Chiếc	09
9	Săng trải giường	Chiếc	06
10	Tấm lót	Chiếc	06
11	Tủ đầu giường	Chiếc	03
12	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	15
13	Đèn Clar	Chiếc	01
14	Loa soi tai	Chiếc	01
15	Đèn soi đáy mắt	Chiếc	01
16	Bàn khám và điều trị tai mũi họng đa năng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	0
17	Bộ gối đỡ đầu cho người bệnh xạ trị (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	0
18	Bộ khám nội soi tai mũi họng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
19	Đèn đọc phim cộng hưởng từ 2 cửa (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
20	Máy đo nồng độ bão hòa Oxy trong máu SpO2 cầm tay (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	0
21	Máy kiểm soát nhiệt độ người bệnh (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	02
22	Máy theo dõi người bệnh 5 thông số (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	02
23	Máy cạo râu	Chiếc	01
24	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	04
25	Máy khí rung	Chiếc	01
26	Máy sấy tóc	Chiếc	03
27	Bàn chải	chiếc	12
28	Băng chun	Cuộn	15
29	Băng cuộn	Cuộn	20
30	Bảng đo thị lực	Chiếc	06

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
31	Băng Esmarch	Cuộn	03
32	Bát và 2 thìa	Bộ	03
33	Bình phong	Chiếc	03
34	Bô	Chiếc	06
35	Bô dẹt	Chiếc	06
36	Bô vệt	Chiếc	05
37	Bóc thụt	Chiếc	06
38	Bộ thử test đầu giường	Bộ	05
39	Bơm tiêm	Bộ	20
	Trong đó:		
	Loại 20 ml	Chiếc	10
	Loại 50 ml	Chiếc	10
40	Ca	Chiếc	06
41	Bình đựng nước nguội	Chiếc	03
42	Canuyn và khóa van	Chiếc	06
43	Chậu	Chiếc	06
44	Chậu inox	Chiếc	01
45	Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin	Chiếc	06
46	Cốc	Chiếc	03
47	Cốc đựng thức ăn	Chiếc	06
48	Cọc truyền inox 2 tai treo	Chiếc	15
49	Dây cao su mềm	Chiếc	03
50	Dây garo và gôi nhỏ	Bộ	15
51	Dây truyền	Chiếc	20
52	Đè lưỡi	Chiếc	06
53	Dụng cụ đo nhãn áp	Chiếc	06
54	Hộp đựng bông gạc	Chiếc	06
55	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc	06
56	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	06
57	Hộp inox đựng bông cầu	Chiếc	06
58	Hộp tròn đựng bông cùn	Chiếc	06
59	Hộp tròn inox	Chiếc	06
60	Kéo	Bộ	20
	Trong đó:		
	Kéo cong	Chiếc	05
	Kéo thẳng	Chiếc	05
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	05
	Kéo đầu tù	Chiếc	05
61	Kẹp gấp	Chiếc	03
62	Kẹp phẫu tích	Chiếc	10
63	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	10
64	Khăn rửa mặt	Chiếc	06

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
65	Gương + cán gương	Chiếc	06
66	Lược	Chiếc	06
67	Máng gội đầu	Chiếc	06
68	Khay chữ nhật	Chiếc	15
69	Khay hạt đậu	Chiếc	15
70	Kìm mở miệng	Chiếc	09
71	Ống nghe tim phổi	Chiếc	30
72	Ống sonde Clini	Chiếc	03
73	Ống sonde Levin	Chiếc	15
74	Bộ panh	Bộ	20
	Trong đó		
	Loại cong có máu	Chiếc	05
	Loại cong không máu	Chiếc	05
	Loại thẳng có máu	Chiếc	05
	Loại thẳng không máu	Chiếc	05
75	Panh mở mũi	Chiếc	01
76	Trụ cắm panh inox	Chiếc	06
77	Quả bóp cao su và sonde Nelaton	Bộ	06
78	Que bệt	Chiếc	01
79	Săng 50 x 50 cm	Chiếc	06
80	Săng có lỗ	Chiếc	06
81	Săng mỡ	Chiếc	06
82	Thám châm	Chiếc	06
83	Xô	Chiếc	09

### **3.7. Phòng thực hành sản, nhi, kế hoạch hóa gia đình**

- Số lượng phòng: 2
- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Giường người bệnh	Chiếc	01
4	Chăn	Chiếc	01
5	Ga trải giường	Chiếc	01
6	Gối	Chiếc	01
7	Đệm	Chiếc	01
8	Tủ đầu giường	Chiếc	02
9	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	07
10	Cân, thước đo chiều cao người lớn	Chiếc	01
11	Bàn khám phụ khoa	Bộ	02
12	Đèn khám phụ khoa	Chiếc	06
13	Bàn đẽ	Chiếc	04
14	Máy Monitor sản khoa (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
15	Cân trẻ em sơ sinh	Chiếc	02
16	Lồng ấp sơ sinh (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
17	Máy đo huyết áp trẻ em	Chiếc	01
18	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	01
19	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	01
20	Thiết bị hút thai chân không (1 van, 2 van)	Bộ	01
21	Bồn rửa tay tiết trùng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
22	Dàn đèn điều trị vàng da trẻ sơ sinh (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	
23	Máy thở trẻ em (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	
24	Bếp từ đơn	Chiếc	03
25	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	01
26	Máy thử nước tiểu 10 thông số	Chiếc	01
27	Máy xay sinh tố	Chiếc	01
28	Bình oxy	Chiếc	01
29	Bóc + dây cao su	Bộ	03
30	Chậu tắm trẻ sơ sinh	Chiếc	02
31	Cốc	Chiếc	03
32	Cốc chia vạch	Chiếc	03
33	Cốc đựng dung dịch sát khuẩn	Chiếc	03
34	Dao mổ + cán dao	Chiếc	03
35	Dây nối hơi sức sơ sinh	Chiếc	03
36	Đèn sưởi ấm	Chiếc	03

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
37	Đũa, thìa	Chiếc	03
38	Dụng cụ tử cung Mirena	Chiếc	03
39	Dụng cụ tử cung Multiload	Chiếc	03
40	Dụng cụ tử cung TCu 380A	Chiếc	03
41	Hộp đựng dụng cụ	Chiếc	03
42	Hộp đựng dung dịch sát khuẩn	Chiếc	03
43	Hộp đựng kim loại có nắp kín	Chiếc	03
44	Hộp inox chữ nhật	Chiếc	07
45	Kéo	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm		
	Kéo cong	Chiếc	01
	Kéo thẳng	Chiếc	01
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	01
	Kéo đầu tù	Chiếc	01
46	Kéo cắt móng tay có nắp bảo vệ	Chiếc	03
47	Bộ Kẹp	Bộ	03
	Mỗi bộ gồm		
	Kẹp cố định thường tinh	Chiếc	01
	Kẹp cố tử cung	Chiếc	01
	Kẹp hình tim	Chiếc	15
	Kẹp kim	Chiếc	06
	Kẹp sãng	Chiếc	01
	Kẹp sát khuẩn	Chiếc	16
	Kẹp thẳng	Chiếc	01
Kẹp tròn	Chiếc	01	
48	Kẹp phẫu tích	Chiếc	25
49	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	03
50	Khay chữ nhật	Chiếc	04
51	Khay hạt đậu	Chiếc	12
52	Kim 3 cạnh	Chiếc	03
53	Kim khâu (tròn, 3 cạnh)	Chiếc	03
54	Kìm mang kim	Chiếc	03
55	Lược mềm	Chiếc	04
56	Mặt nạ, bóp bóng	Bộ	03
57	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ	Bộ	01
58	Mô hình cơ quan sinh dục nam	Bộ	01
59	Mô hình khung chậu nữ	Bộ	01
60	Mô hình phát triển của trứng và bào thai	Bộ	01
61	Mô hình phôi thai từ tháng 1 đến tháng thứ 9	Bộ	01
62	Mô hình thai nhi đủ tháng	Bộ	01
63	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ	01
64	Mỏ vịt	Chiếc	20

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
65	Móc dụng cụ tử cung	Chiếc	03
66	Móc vòi trứng	Chiếc	03
67	Nia (không máu + có máu)	Chiếc	03
68	Nồi	Chiếc	03
69	Nong cổ tử cung các số	Bộ	03
70	Ống hút nhót	Chiếc	03
71	Ống nghe tim thai	Chiếc	10
72	Bộ panh	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại cong có máu	Chiếc	01
	Loại cong không máu	Chiếc	01
	Loại thẳng có máu	Chiếc	01
	Loại thẳng không máu	Chiếc	01
73	Panh Farabeuf	Chiếc	03
74	Trụ cắm panh inox	Chiếc	09
75	Quả hút mũi	Chiếc	03
76	Thìa	Chiếc	03
77	Thìa gạt	Chiếc	03
78	Thìa nạo (đặc + rộng)	Chiếc	03
79	Thước đo buồng tử cung	Chiếc	03
80	Thước đo khung chậu	Chiếc	10
81	Van âm đạo	Chiếc	21
82	Bộ tranh về giải phẫu, sinh lý sinh dục nam, nữ, quá trình thai nghén, vệ sinh phụ nữ, dân số kế hoạch hóa gia đình,...	Bộ	01
83	Bộ tranh quy trình chuyên môn, bảng quản lý thai nghén, túi đựng phiếu khám thai	Bộ	01

### 3.8. Phòng thực hành y học cổ truyền - phục hồi chức năng - dược

- Số lượng phòng: 2

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Giường người bệnh	Chiếc	01
4	Gối	Chiếc	04
5	Tủ thuốc đông y	Chiếc	01
6	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	04
7	Máy điện châm	Chiếc	06
8	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	01
9	Tủ đựng thuốc tây y	Chiếc	01
10	Tủ lạnh	Chiếc	01
11	Máy xoa bóp	Chiếc	10



<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
12	Ấm sắc thuốc đông y	Bộ	02
13	Máy kéo cột sống (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	02
14	Máy sóng ngắn (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
15	Máy điện phân (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	02
16	Máy tập đi bộ (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
17	Xe đạp tập chân (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
18	Đèn hồng ngoại	Chiếc	01
19	Bàn vận động (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	02
20	Xe lăn	Chiếc	01
21	Khung tập đi	Bộ	01
22	Tạ tay	Bộ	03
23	Đệm vận động cột sống lưng	Chiếc	01
24	Giường chăm sóc người bệnh đa năng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	01
25	Máy điện châm đa năng (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	02
26	Tượng các huyết	Chiếc	01
27	Bộ vị thuốc mẫu y học cổ truyền	Bộ	02
28	Kim châm cứu	Bộ	01
29	Dụng cụ chia thuốc, gói thuốc	Chiếc	01
30	Chậu	Chiếc	01
31	Cốc	Chiếc	01
32	Hộp đựng bông gạc	Chiếc	09
33	Khăn tắm	Chiếc	02
34	Khay chữ nhật	Chiếc	01
35	Bộ panh	Bộ	02
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại cong có máu	Chiếc	01
	Loại cong không máu	Chiếc	01
	Loại thẳng có máu	Chiếc	01
	Loại thẳng không máu	Chiếc	01
36	Phích đựng nước nóng	Chiếc	01
37	Trụ cắm panh inox	Chiếc	02
38	Túi chườm	Chiếc	01
39	Vò đập đá	Chiếc	01
40	Bộ tranh các huyết đông y	Bộ	02
41	Dược thư và sách hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	01

### 3.9. Phòng thực hành giải phẫu

- Số lượng phòng: 02

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	02
3	Bảng phooc	Chiếc	02
4	Mô hình bộ xương người tháo rời	Bộ	04
5	Mô hình hộp sọ	Bộ	04
6	Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng	Bộ	04
7	Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ	Bộ	02
8	Mô hình hệ cơ bán thân có đầu	Bộ	02
9	Mô hình hệ cơ toàn thân	Bộ	04
10	Mô hình cơ cánh tay	Bộ	04
11	Mô hình giải phẫu toàn thân	Bộ	04
12	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	01
13	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	04
14	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ	Bộ	04
15	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	Bộ	06
16	Mô hình tim	Chiếc	05
17	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	02
18	Mô hình phổi	Chiếc	06
19	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	Bộ	04
20	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	03
21	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	Bộ	05
22	Mô hình cơ quan sinh dục nam	Bộ	03
23	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ	Bộ	03
24	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ	01
25	Mô hình giải phẫu tai mũi họng	Bộ	03
26	Mô hình mắt	Bộ	04
27	Mô hình da phóng đại	Chiếc	03
28	Mô hình tai phóng đại	Chiếc	04
29	Mô hình não	Chiếc	05
30	Mô hình cắt ngang tuỷ sống	Chiếc	05
31	Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	Chiếc	04
32	Mô hình cắt đứng qua hông chậu nữ	Chiếc	04
33	Mô hình chi trên/chi dưới cắt lớp	Bộ	04
34	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Chiếc	03
35	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu	Bộ	01
36	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	01
37	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	01
38	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ	Bộ	01
39	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn	Bộ	04

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
40	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp	Bộ	04
41	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu	Bộ	04
42	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh	Bộ	01
43	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam	Bộ	04
44	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ	Bộ	04
45	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng	Bộ	04
46	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý da	Bộ	01
47	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác	Bộ	04
48	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác	Bộ	04
49	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác	Bộ	04
50	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác	Bộ	01

### **3.10. Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh - ký sinh trùng**

- Số lượng phòng: 02

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Kính hiển vi quang học	Chiếc	06
4	Máy li tâm	Chiếc	01
5	Máy điện tim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	01
6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	01
7	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	01
8	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	01
9	Tủ an toàn sinh học	Chiếc	01
10	Nồi hấp	Chiếc	01
11	Cân kỹ thuật	Chiếc	01
12	Nồi cách thủy	Chiếc	01
13	Tủ âm	Chiếc	01
14	Bộ bình cầu	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 100ml	Chiếc	01
	Loại 250ml	Chiếc	01
	Loại 500ml	Chiếc	01
15	Bộ bình nón	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 100ml	Chiếc	01
	Loại 250ml	Chiếc	01
	Loại 500ml	Chiếc	01
16	Bô	Chiếc	01
17	Cốc	Chiếc	01
18	Cốc có mỏ	Bộ	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 50ml	Chiếc	01
	Loại 100ml	Chiếc	01
	Loại 250ml	Chiếc	01
	Loại 500ml	Chiếc	01
19	Dây garo và gối nhỏ	Bộ	01
20	Dụng cụ xét nghiệm thời gian máu chảy, máu đông	Chiếc	01
21	Giá để dụng cụ thủy tinh	Chiếc	01
22	Giá để tiêu bản	Chiếc	01
23	Gối	Chiếc	01
24	Hộp tròn đựng bông cotton	Chiếc	01
25	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	01
26	Khay chữ nhật	Chiếc	01
27	Khay chứa máu	Chiếc	01
28	Khay hạt đậu	Chiếc	01
29	Kim lấy máu	Chiếc	01
30	Lá kính (lamen)	Chiếc	01
31	Lọ đựng phân	Chiếc	01
32	Ống đong có chia vạch	Chiếc	01
	Ống nghiệm	Bộ	01
	Mỗi bộ gồm		
33	Loại 20ml	Chiếc	03
	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	01
	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc	01
	Bộ panh	Bộ	01
	Mỗi bộ bao gồm		
34	Loại cong có máu	Chiếc	01
	Loại cong không máu	Chiếc	01
	Loại thẳng có máu	Chiếc	01
	Loại thẳng không máu	Chiếc	01
35	Trụ cắm panh inox	Chiếc	01
36	Pipet	Chiếc	01
37	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc	01
38	Bộ tiêu bản mẫu ký sinh trùng sốt rét,...	Bộ	01
39	Bộ tiêu bản mẫu các loại trứng, ấu trùng giun, sán, đơn bào, trùng roi, trùng lông, a míp, nấm	Bộ	01
40	Bộ tiêu bản mẫu vi khuẩn, virus thường gặp: lao, lậu, tụ cầu, tụ khuẩn, nhiễm sắc thể, tế bào,...	Bộ	01
41	Bộ tranh/đĩa CD-ROM về các loại vi khuẩn, virus, vi sinh vật, phân bào, tế bào thần kinh, tế bào cơ, ... và các loại giun, sán lá, ký sinh trùng sốt rét, côn trùng truyền bệnh,...	Bộ	01

**3.11. Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng**

- Số lượng phòng: 01

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Máy quay camera	Bộ	01
4	Tủ lạnh	Chiếc	01
5	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	01
6	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	01
7	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	01
8	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	01
9	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	01
10	Thiết bị nghe nhìn và đĩa hình phục vụ truyền thông giáo dục sức khỏe	Bộ	01
11	Cân, thước đo chiều cao người lớn	Chiếc	01
12	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	01
13	Giường người bệnh	Chiếc	01
14	Chăn	Chiếc	01
15	Đệm	Chiếc	01
16	Ga trải giường	Chiếc	01
17	Gối	Chiếc	01
18	Túi thuốc sơ cứu cho tuyến cơ sở	Túi	01
19	Bộ tranh về nước sạch, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống tai nạn thương tích	Bộ	01
20	Bộ tranh về các côn trùng truyền bệnh, vệ sinh lao động, vệ sinh bệnh viện, trường học, trạm y tế, cá nhân, vệ sinh phòng dịch, xử lý chất thải,...	Bộ	01
21	Bộ tranh về truyền thông giáo dục sức khỏe, các tranh, áp phích, tờ rơi về giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm,...	Bộ	01
22	Bộ tranh hướng dẫn bữa ăn đủ dinh dưỡng theo chế độ bệnh lý và trẻ em.	Bộ	01
23	Bộ tranh mô hình cung cấp nước sạch ở nông thôn, thành thị,...	Bộ	01
24	Bộ tranh mô hình hố xí sạch ở nông thôn, hố xí tự hoại, hố xí hai ngăn,...	Bộ	01
25	Bộ tranh mô phỏng trạm y tế xã và các thiết bị trang bị cơ bản cho trạm y tế đạt chuẩn quốc gia	Bộ	01

## II. NHÀ GIÁO

1. Tổng số nhà giáo Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Điều dưỡng: 161
2. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 500/161
3. Danh sách nhà giáo

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
1	Dương Thị Tố Anh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Quản lý Điều dưỡng; Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu
2	Lê Thị Phương Thảo	ĐD Chuyên Khoa I	x		Quản lý Điều dưỡng; Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu
3	Trần Thị Khuyên	ĐD Chuyên Khoa I	x		Quản lý Điều dưỡng; Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu
4	Trịnh Thị Minh Phương	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Quản lý Điều dưỡng; Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu
5	Nguyễn Phương Minh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Quản lý Điều dưỡng; Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu
6	Nguyễn Thị Mai Hương	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Quản lý Điều dưỡng; Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu
7	Nguyễn Thu Hằng	ĐD Chuyên Khoa I	x		Chăm sóc giảm đau; Thực tập tốt nghiệp
8	Trần Thị Kim Ngân	ĐD Chuyên Khoa I	x		Chăm sóc giảm đau; Thực tập tốt nghiệp
9	Vũ Thị Thanh Huyền	ĐD Chuyên Khoa I	x		Chăm sóc giảm đau; Thực tập tốt nghiệp
10	Bùi Văn Khanh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Chăm sóc giảm đau; Thực tập tốt nghiệp
11	Mai Thị Vân Hằng	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành Điều dưỡng cơ bản; Kiểm soát và phòng chống nhiễm khuẩn
12	Nguyễn Thị Thanh Thảo	ĐD Chuyên Khoa I	x		Thực hành Điều dưỡng cơ bản; Kiểm soát và phòng chống nhiễm khuẩn
13	Nguyễn Thị Hải Yến	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành Điều dưỡng cơ bản; Kiểm soát và phòng chống nhiễm khuẩn
14	Nguyễn Thị Kim Thúy	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành Điều dưỡng cơ bản; Kiểm soát và phòng chống nhiễm khuẩn
15	Nguyễn Thị Nga	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành Điều dưỡng cơ bản; Kiểm soát và phòng chống nhiễm khuẩn
16	Nguyễn Thị Thúy Hoa	ĐD Chuyên	x		Thực hành Điều dưỡng cơ

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
		Khoa I			bản; Kiểm soát và phòng chống nhiễm khuẩn
17	Nguyễn Thị Xoan	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành Điều dưỡng cơ bản; Kiểm soát và phòng chống nhiễm khuẩn
18	Phạm Thị Hải Giang	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành Điều dưỡng cơ bản; Kiểm soát và phòng chống nhiễm khuẩn
19	Phạm Thị Vân Anh	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành Điều dưỡng cơ bản; Kiểm soát và phòng chống nhiễm khuẩn
20	Sái Thị Hải Yến	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành Điều dưỡng cơ bản; Thực tập tốt nghiệp
21	Vũ Thị Hồng Đông	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành Điều dưỡng cơ bản; Thực tập tốt nghiệp
22	Lê Quỳnh Hoa	Cử nhân điều dưỡng	x		Quản lý Điều dưỡng; Thực tập tốt nghiệp
23	Triệu Thị Dung	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành điều dưỡng cơ bản; Thực tập tốt nghiệp
24	Khúc Thị Tuyết Hường	Thạc sỹ Y học	x		Giáo dục sức khỏe
25	Nguyễn Thanh Hòa	Bác sỹ YHDP	x		Giáo dục sức khỏe
26	Nguyễn Văn Quang	Bác sỹ YHDP	x		Giáo dục sức khỏe
27	Trần Ngọc Thúy	Thạc sỹ Y học	x		Giáo dục sức khỏe
28	Lê Hải Yến	Thạc sỹ YTCC	x		Giáo dục sức khỏe
29	Nguyễn Đức Toàn	Bác sỹ YHDP	x		Giáo dục sức khỏe
30	Nguyễn Thị Thái Hà	Thạc sỹ Y học	x		Giáo dục sức khỏe
31	Bùi Thị Hương Quỳnh	CN Y tế công cộng	x		Sức khỏe và môi trường
32	Hoàng Tư Nghĩa	Bác sỹ YHDP	x		Sức khỏe và môi trường
33	Ngô Thị Trang	Bác sỹ YHDP	x		Sức khỏe và môi trường
34	Nguyễn Minh Tuấn	PGS -TS Y học	x		Tổ chức y tế - Y đức
35	Bùi Duy Hưng	Thạc sỹ Y học	x		Tổ chức y tế - Y đức
36	Hoàng Anh Tuấn	Tiến sỹ Y học	x		Tổ chức y tế - Y đức

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Trình độ chuyên môn được đào tạo</b>	<b>Trình độ nghiệp vụ sư phạm</b>	<b>Trình độ kỹ năng nghề</b>	<b>Môn học được phân công giảng dạy</b>
37	Triệu Thị Dung	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
38	Bùi Thị Quỳnh Nga	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
39	Đỗ Thị Huyền Trang	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
40	Dương Thị Phương	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
41	Dương Thị Thúy Ngân	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
42	Hồ Lương Nhật Vinh	Thạc sỹ dược học	x		Dược lý
43	Hoàng Hải Yên	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
44	Hoàng Thị Kim Luyến	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
45	Hoàng Thu Trang	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
46	Lê Thanh Liêm	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
47	Lê Thanh Nghị	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
48	Lê Thị Nhật Ánh	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
49	Lê Thu Hoài	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
50	Lương Đức Thịnh	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
51	Lý Thu Thương	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
52	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
53	Nguyễn Thị Hoài	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
54	Nguyễn Thị Mười	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
55	Nguyễn Thị Thắng	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
56	Trần Thị Thu Huyền	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
57	Triệu Hải	Dược sỹ CKI	x		Dược lý
58	Vũ Thị Nguyên	Dược sỹ đại học	x		Dược lý
59	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sỹ Y học	x		Sinh lý bệnh
60	Nguyễn Văn Quỳnh	Thạc sỹ	x		Sinh lý bệnh



TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
		Y học			
61	Phạm Thị Ngọc Diệp	Thạc sỹ Sinh học	x		Sinh học di truyền
62	Tạ Phương Thùy	Thạc sỹ Sinh học	x		Sinh học di truyền
63	Hoàng Thị Thúy Hằng	Tiến sỹ Sinh học	x		Sinh học di truyền
64	Muru Thị Lệ	Bác sỹ đa khoa	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
65	Lương T. Lan Phương	Cử nhân Điều dưỡng	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
66	Mai Hoàng Anh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
67	Hoàng Việt Ngọc	BS Chuyên Khoa II	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
68	Lương Trung Hiếu	Thạc sỹ Y học	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
69	Nông Thị Tuyền	Thạc sỹ Y học	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
70	Phùng Thị Tuyết Nga	Thạc sỹ Y học	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
71	Vương Thị Hồng Thúy	Bác sỹ đa khoa	x		Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
72	Lê Hòa Bình	Thạc sỹ	x		Giáo dục chính trị, Pháp luật
73	Nguyễn Thị Lệ Ninh	Thạc sỹ	x		Giáo dục chính trị, Pháp luật
74	Vũ Thị Hương Trà	Thạc sỹ	x		Giáo dục chính trị, Pháp luật
75	Hoàng Thị Thủy	Tiến sỹ	x		Giáo dục chính trị, Pháp luật
76	Vũ Thị Lệ	Cử nhân	x		Giáo dục chính trị, Pháp luật
77	Trịnh Thị Mai	Thạc sỹ	x		Giáo dục chính trị, Pháp luật
78	Nguyễn Thị Thúy Hương	Thạc sỹ	x		Giáo dục chính trị, Pháp luật
79	Trần Văn Lợi	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa (LS Ngoại)
80	Nguyễn Anh Tú	Thạc sỹ	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa (LS Ngoại)
81	Hoàng Việt Thái	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa (LS Ngoại)
82	Đình Ngọc Hoàng	BS Chuyên	x		Thực hành CSSK người

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
		Khoa I			lớn bệnh Ngoại khoa (LS Ngoại)
83	Đào Trọng Tuyên	Thạc sỹ Y học	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa (LS Ngoại)
84	Lê Hoài Nam	Thạc sỹ Y học	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa (LS Ngoại),
85	Hoàng Thị Oanh	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa (LS Ngoại)
86	Dương Quang Thiều	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa (LS Ngoại)
87	Hoàng Anh Ngọc	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa (LS Ngoại)
88	Nguyễn Thị Ánh	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa (LS Ngoại)
89	Nguyễn Thị Nha Trang	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK trẻ em (LS Nhi)
90	Hoàng Thị Đan	Bác sỹ đa khoa	x		Thực hành CSSK trẻ em (LS Nhi)
91	Hoàng Thị Phương Thanh	Bác sỹ đa khoa	x		Thực hành CSSK trẻ em (LS Nhi)
92	Nguyễn Thị Hồng	Bác sỹ đa khoa	x		Thực hành CSSK trẻ em (LS Nhi)
93	Chu Thị Thùy Linh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK trẻ em (LS Nhi)
94	Nguyễn Đức Quế	ĐD Chuyên Khoa I	x		Thực hành CSSK trẻ em (LS Nhi)
95	Lê Thị Hoa	ĐD Chuyên Khoa I	x		Thực hành CSSK trẻ em (LS Nhi)
96	Đào Minh Tuyết	Thạc sỹ Y học	x		Thực hành CSSK trẻ em (LS Nhi)
97	Phan Thanh Ngọc	Thạc sỹ Y học	x		Thực hành CSSK trẻ em (LS Nhi)
98	Nguyễn Thị Hoa	Bác sỹ đa khoa	x		Thực hành CSSK trẻ em (LS Nhi)
99	Nguyễn Thu Trang	CD Điều dưỡng	x		Thực hành CSSK trẻ em (LS Nhi)
100	Nguyễn Thị Thu Hường	Thạc sỹ	x		Tiếng anh
101	Dương Thị Thanh Hoà	Cử nhân Trung Anh	x		Tiếng anh
102	Vũ Thị Hòa	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng anh

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Trình độ chuyên môn được đào tạo</b>	<b>Trình độ nghiệp vụ sư phạm</b>	<b>Trình độ kỹ năng nghề</b>	<b>Môn học được phân công giảng dạy</b>
103	Vũ Thị Hồng Nhung	Cử nhân Tiếng Anh	x		Tiếng anh
104	Cầm Thị Kiều Anh	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng anh
105	Hoàng Thị Thu Hoài	Thạc sỹ Tiếng anh	x		Tiếng anh
106	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng anh
107	Nguyễn Thị Kim Liên	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng anh
108	Nguyễn Thị Mai Lương	Cử Nhân Tiếng Anh	x		Tiếng anh
109	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng anh
110	Phạm Thị Thủy	Cử nhân Tiếng Anh	x		Tiếng anh
111	Phạm Thị Việt Hà	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng anh
112	Hoàng Thị Quỳnh	Thạc sỹ Y học	x		CSSK tâm thần; Thực hành Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Nội khoa (LS Nội)
113	Lê Thị Hà Giang	Thạc sỹ Y học	x		CSSK tâm thần; Thực hành Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Nội khoa (LS Nội)
114	Dương Thúy Quỳnh	Bác sỹ đa khoa	x		CSSK tâm thần; Thực hành Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Nội khoa (LS Nội)
115	Vũ Thu Hiền	Bác sỹ đa khoa	x		CSSK tâm thần; Thực hành Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Nội khoa (LS Nội)
116	Bế Thu Hà	Thạc sỹ Y học	x		Thực hành Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Nội khoa (LS Nội)
117	Nguyễn Kim Thành	BS Chuyên Khoa II	x		Thực hành Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Nội khoa (LS Nội)
118	Nguyễn Giang Nam	Thạc sỹ Y học	x		Thực hành Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Nội khoa (LS Nội)
119	Nguyễn Minh Chung	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực hành Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Nội khoa (LS Nội)
120	Vũ Trung Anh	CD Điều	x		Thực hành Chăm sóc

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
		dưỡng			sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa (LS Nội)
121	Nguyễn Thảo Quỳnh	CD Điều dưỡng	x		Thực hành Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa (LS Nội)
122	Dương Ngọc Thúy	CD Điều dưỡng	x		Thực hành Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa (LS Nội)
123	Vũ Văn Lý	CD Điều dưỡng	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
124	Nguyễn Thị Liên	CD Điều dưỡng	x		Vật lý trị liệu
125	Phạm Vũ Ngọc Huyền	CD Điều dưỡng	x		Vật lý trị liệu
126	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Bác sỹ YHCT	x		Y học cổ truyền
127	Phan Việt Nga	Bác sỹ đa khoa	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
128	Lường Thị Thời	ĐD Chuyên khoa 1	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
129	Nguyễn Xuân Tùng	Cử nhân Điều dưỡng	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
130	Vi Văn Quân	Cử nhân Điều dưỡng	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
131	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thạc sỹ Y học	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
132	Nguyễn Hoa Ngân	Thạc sỹ Y học	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
133	Dương Trọng Tấn	Cử nhân Điều dưỡng	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
134	Lương Thị Viên	Cử nhân	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
135	Hoàng Việt Dũng	Thạc sỹ Y học	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
136	Đào Thị Dân	BS Chuyên Khoa I	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
137	Dương Thị Quyên	Bác sỹ YHCT	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
138	Nguyễn Xuân Huỳnh	Bác sỹ YHCT	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
139	Trần Thị Hải	Bác sỹ YHCT	x		Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu
140	Nguyễn Khắc Hoạch	CN GDTC - GDQP AN	x		GDQP-AN

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
141	Ngô Minh Đức	CN GDTC - GDQP AN	x		GDQP-AN
142	Trần Tuấn Đạt	CN GDTC - GDQP AN	x		GDQP-AN
143	Trịnh An Toàn	CN GDTC - GDQP AN	x		GDQP-AN
144	Vũ Duy Dương	CN GDTC - GDQP AN	x		GDQP-AN
145	Nguyễn Quốc Hùng	Tiến sỹ CNTT	x		Tin học
146	Nguyễn Văn Ngân	Cử nhân CNTT	x		Tin học
147	Đỗ Thị Thanh Hải	Thạc sỹ CNTT	x		Tin học
148	Hoàng Thị Kim Oanh	Thạc sỹ CNTT	x		Tin học
149	Lê Việt Anh	Cử nhân tin học	x		Tin học
150	Nguyễn Hùng Cường	Kỹ sư CNTT	x		Tin học
151	Nguyễn Ngọc Chiến	Cử nhân CNTT	x		Tin học
152	Trần Thị Thơm	Cử nhân CNTT	x		Tin học
153	Trần Thu Thủy	Thạc sỹ CNTT	x		Tin học
154	Trần Ngọc Hà	Thạc sỹ toán	x		Tin học
155	Trần Thị Ngọc	Cử nhân Toán	x		Tin học
156	Ngô Thúy Hà	Thạc sỹ Y học	x		Hóa sinh
157	Nguyễn Thị Hà Giang	Bác sỹ YHDP	x		Hóa sinh
158	Lê Thị Huyền Trang	Bác sỹ YHDP	x		Hóa sinh
159	Ngô Thị Hiếu	Thạc sỹ Y học	x		Hóa sinh
160	Đinh Đức Thọ	Cử nhân Kỹ Thuật Y học	x		Hóa sinh
161	Đào Thị Huệ	CK I xét nghiệm	x		Hóa sinh

### III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP LÊN CAO ĐẲNG NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

Tên ngành: ĐIỀU DƯỠNG

Mã ngành: 6720301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành Điều dưỡng và bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 1,5 năm

#### 1. Mục tiêu đào tạo

##### 1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người điều dưỡng viên là nhân lực trực tiếp cho các công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ cao đẳng; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

##### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo người điều dưỡng có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ cao đẳng và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành Điều dưỡng; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc.

##### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi học xong chương trình cao đẳng ngành Điều dưỡng, người học có thể làm tại các cơ sở cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập, các cơ sở khám bệnh tư nhân, các trung tâm cấp cứu cộng đồng, trung tâm y tế dự phòng, các viện dưỡng lão, trạm y tế, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, có thể làm tại các vị trí:

- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng cộng đồng.

#### 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 23 môn
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 60 tín chỉ.
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 180 giờ.
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1365 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 459 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1006 giờ.

**3. Nội dung chương trình:**

TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học/Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/Kiểm tra
<b>I</b>		<b>Các môn chung</b>					
1	MHCĐ401	Giáo dục chính trị	2	45	26	16	3
2	MHCĐ402	Pháp luật	1	15	9	5	1
3	MHCĐ403	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
4	MHCĐ404	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	30	15	14	1
5	MHCĐ405	Tin học	1	30	0	29	1
6	MHCĐ406	Tiếng Anh	2	30	12	16	2
		<b>Tổng</b>	<b>8</b>	<b>180</b>	<b>63</b>	<b>107</b>	<b>10</b>
<b>II</b>		<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>					
<b>II.1</b>		<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>					
7	MHCĐ407	Cấu tạo và chức năng của cơ thể	5	90	57	28	5
		<i>Sinh học và Di truyền</i>			14		1
		<i>Giải phẫu- Sinh lý</i>			27	16	3
		<i>Hoá sinh</i>			16	12	1
8	MHCĐ408	Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi	5	90	58	27	5
		<i>Vi sinh - Ký sinh trùng</i>			15	18	2
		<i>Sinh lý bệnh</i>			29	9	2
		<i>Dinh dưỡng và quá trình phục hồi</i>			14		1

TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học/Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyế t	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
9	MĐCĐ401	Điều dưỡng cơ sở	5	120	28	84	8
10	MHCĐ409	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30	28	0	2
		<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>330</b>	<b>171</b>	<b>139</b>	<b>20</b>
<b>II.2</b>		<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>					
11	MHCĐ410	Quản lý điều dưỡng	2	30	28	0	2
12	MHCĐ411	Chăm sóc giảm đau	2	30	28	0	2
13	MHCĐ412	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	3	45	32	11	2
14	MHCĐ413	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	3	45	43	0	2
15	MHCĐ414	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	30	24	4	2
16	MHCĐ415	Chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu	2	30	28	0	2
17	MHCĐ416	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	30	21	7	2
18	MHCĐ417	Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	2	30	21	7	2
19	MHCĐ418	Thực hành lâm sàng Nội	4	180	0	172	8
20	MHCĐ419	Thực hành lâm sàng Ngoại	3	135	0	129	6
21	MHCĐ420	Thực hành lâm sàng Nhi	3	135	0	129	6
22	MHCĐ421	Thực hành lâm sàng Sản	3	135	0	129	6



TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học/Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
23	MHCĐ422	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	172	8
		<b>Tổng</b>	<b>35</b>	<b>1035</b>	<b>225</b>	<b>760</b>	<b>50</b>
		<b>Tổng toàn chương trình</b>	<b>60</b>	<b>1545</b>	<b>459</b>	<b>1006</b>	<b>80</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quyết định 162/QĐ-CDYT ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành Điều dưỡng theo quy định của trường.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn**